TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**
Bản án số: 77/2019/DS-PT Ngày: 23/10/2019 *"Yêu cầu chia di sản thừa kế"*	**NHÂN DANH** NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phồn

Các thẩm phán: bà Thái Thị Hồng Vân; bà Nguyễn Thị Thu Từ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Châu – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Nam; Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 86/2019/TLPT-DS ngày 22 tháng 8 năm 2019, về việc "Yêu cầu chia di sản thừa kế".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 28/2019/DS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 79/2019/QĐ-PT ngày 09 tháng 9 năm 2019. Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn có kháng cáo: Anh Hoàng Văn B, sinh năm 1977

Địa chỉ: Thôn 12, xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An. Có mặt

2. Bị đơn không kháng cáo: Bà Cao Thị M, năm 1956. Có mặt

Địa chỉ: Thôn 12, xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không kháng cáo:

1. Anh Hoàng Văn Đ, sinh năm 1991. Có mặt

2. Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1961. Vắng mặt.

3. Bà Hoàng Thị H1, sinh năm 1964. Vắng mặt.

4. Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1966. Vắng mặt.

5. Bà Hoàng Thị P, sinh năm 1969. Vắng mặt.

6. Bà Hoàng Thị S, sinh năm 1975. Vắng mặt.

7. Chị Hoàng Thị A, sinh năm 1984. Vắng mặt.

8. Chị Hoàng Thị N, sinh năm 1986. Vắng mặt.

9. Chi Hoàng Thị N1, sinh năm 1989. Vắng mặt.

10. Anh Hoàng Văn Th, sinh năm 1994. Vắng mặt.

11. Chị Nguyễn Thị H2, sinh năm 1981. Vắng mặt.

Có cùng địa chỉ: Thôn 12, xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Bản án sơ thẩm vụ án có nội dung như sau:

- Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Hoàng Văn B trình bày:

Cụ Hoàng Văn T và cụ Đ Thị B còn có tên gọi khác là Hoàng Văn Đ và Đ Thị Đ, sinh được 07 người con gồm: ông Hoàng Văn Đ, chị Hoàng Thị H, chị Hoàng Thị H1, chị Hoàng Thị L, chị Hoàng Thị P, chị Hoàng Thị S và anh Hoàng Văn B.

Cụ Hoàng Văn T mất năm 1987, cụ Đ Thị B mất năm 2006, ông Hoàng Văn Đ có vợ là bà Cao Thị M, ông Đ mất năm 1997. Ông Đ và bà M sinh được 05 người con gồm: Chị Hoàng Thị A, chị Hoàng Thị N, chị Hoàng Thị N1, anh Hoàng Văn Đ và anh Hoàng Văn Th.

Cụ T và cụ B mất không để lại di chúc và có để lại di sản gồm: 02 thửa đất vườn ở số 863, tờ bản đồ số 15 và thửa số 179 tờ bản đồ số 19; 01 thửa đất lâm nghiệp số 1034 tờ bản đồ số 1 và các T sản gồm: 01 nhà cấp 4, nhà bếp, giếng nước và một số cây cối trên thửa đất số 863 tại thôn 9 (nay là thôn 12) xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An. Thửa đất vườn ở số 179 có nguồn gốc do mẹ anh B mua của cố S để cho vợ chồng ông Hoàng Văn Đ và bà Cao Thị M ở riêng. Sau khi cha mẹ anh B và anh trai anh B là ông Hoàng Văn Đ mất, chị em anh B thống nhất để thửa đất số 863 cho anh Hoàng Văn B sử dụng.

Năm 2017, anh Hoàng Văn B làm thủ tục xin cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 863 cho anh B thì bà Cao Thị M đòi chia một phần đất thửa số 863 cho các con của bà M một phần. Việc bà M tranh chấp đòi chia đất như vậy là không đúng, vì cụ T và cụ B đã cho vợ chồng bà M ông Đ thửa đất số 179 để ở riêng. Nay ông Đ mất, bà M đòi chia đất tiếp nên anh B yêu cầu chia các di sản gồm thửa đất số 863, tờ bản đồ số 15; thửa đất số 179 tờ bản đồ số 19; thửa đất lâm nghiệp số 1034 tờ bản đồ số 1 và các T sản gồm 01 xái bếp, 01 giếng nước và một số cây cối trên thửa đất số 863 tại thôn 9 (nay là thôn 12) xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An cho 07 người con của cụ T và cụ B theo qui định của pháp luật.

- Theo bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Cao Thị M trình bày:

Bà Cao Thị M là vợ của ông Hoàng Văn Đ, ông Đ và bà M sinh được 05 người con gồm: Chị Hoàng Thị A, chị Hoàng Thị N, chị Hoàng Thị N1, anh Hoàng Văn Đ và anh Hoàng Văn Th.

Ông Hoàng Văn Đ là con của cụ Hoàng Văn T và cụ Đ Thị B. Cụ Đ và cụ B sinh được 07 người con gồm: ông Hoàng Văn Đ (là chồng bà M), ông Đ mất năm 1997, chị Hoàng Thị H, chị Hoàng Thị H1, chị Hoàng Thị L, chị Hoàng Thị P, chị Hoàng Thị S và anh Hoàng Văn B.

Năm 1987 cụ Đ mất và năm 2006 cụ B mất không để lại di chúc, cụ T và cụ B chỉ để lại các di sản gồm các thửa đất số 863, tờ bản đồ số 15; 01 ngôi nhà cấp 4, nhà bếp, giếng nước và cây cối trên thửa đất 863 và thửa đất lâm nghiệp số 1034 tờ bản đồ số 1 tại thôn 12, xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An

Riêng thửa đất số 179 tờ bản đồ số 19 là của vợ chồng bà M, không phải di sản của cụ T và cụ B để lại. Thửa đất này vợ chồng bà M xin UBND xã T vào năm 1983 và sử dụng từ năm 1983 đến nay đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Cao Thị M.

Nay anh Hoàng Văn B yêu cầu chia di sản của cụ T và cụ B thì bà M chỉ đồng ý chia di sản thừa kế của cụ T và cụ B để lại là 2 thửa đất vườn ở số 863 và thửa đất lâm nghiệp số 1034 cho 07 người con của cụ T và cụ B. Riêng phần của ông Đ thì chia cho bà và các con của ông Đ được hưởng một phần diện tích đất.

Ngoài ra, bà M có nguyện vọng trích một phần diện tích đất của thửa đất số 863 để làm nhà thờ để cho con trai bà M là anh Hoàng Văn Đ là cháu đích tôn của cụ T và cụ B thờ cúng ông bà tổ tiên.

Còn ngôi nhà cấp 4, 3 gian anh B đã dỡ bỏ nên bà M không có yêu cầu gì và ngôi nhà bếp, giếng nước, 3 cây bạch đàn và 01 cây mít giá trị thấp thì đề nghị Tòa xem xét chia cho ai thì chia.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là người được chị Hoàng Thị A, chị Hoàng Thị N, chị Hoàng Thị N1 và anh Hoàng Văn Th ủy quyền là anh Hoàng Văn Đ trình bày:

Anh Hoàng Văn Đ đồng ý với toàn bộ nội dung trình bày của mẹ anh Đ là bà Cao Thị M. Nay anh Hoàng Văn B yêu cầu chia di sản của vụ T và cụ B thì anh Đ chỉ đồng ý chia di sản thừa kế của cụ T và cụ B để lại là chia thửa đất vườn ở số 863 và thửa đất lâm nghiệp số 1034 cho 07 người con của cụ T và cụ B, riêng phần của cha anh Đ thì chia cho mẹ con anh Đ được hưởng một phần diện tích đất. Ngoài ra, anh Đ có nguyện vọng đề nghị Tòa án trích một phần diện tích đất của thửa đất số 863 để làm nhà thờ để cho anh Đ cháu đích tôn của cụ T và cụ B thờ cúng ông bà tổ tiên. Riêng ngôi nhà cấp 4, 3 gian là ngôi nhà của cụ T và cụ B để lại anh B đã dỡ bỏ nên anh Đ không có yêu cầu gì; Ngôi nhà bếp, giếng nước, 03 cây bạch đàn và 01 cây mít giá trị thấp thì đề nghị Tòa xem xét chia cho ai thì chia.

- Trong quá trình giải quyết vụ án các chị Hoàng Thị H, Hoàng Thị H1, Hoàng Thị L, Hoàng Thị P trình thống nhất trình bày:

Cụ Hoàng Văn T và cụ Đ Thị B còn có tên thường gọi là Hoàng Văn Đ và Đ Thị Đ sinh được 07 người con gồm: ông Hoàng Văn Đ (có vợ là bà Cao Thị M), chị Hoàng Thị H, chị Hoàng Thị H1, chị Hoàng Thị L, chị Hoàng Thị P, chị Hoàng Thị S và anh Hoàng Văn B. Cụ T mất năm 1987, cụ B mất năm 2006, hai cụ mất không để lại di chúc và có để lại di sản gồm: Thửa đất số 863, tờ bản đồ số 15, thửa đất số 179 tờ bản đồ số 19; 01 thửa đất lâm nghiệp và các T sản gồm: 01 nhà cấp 4, nhà bếp, giếng nước và một số cây cối trên thửa đất số 863 tại thôn 9 (nay là thôn 12) xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An.

Thửa đất vườn số 179 có nguồn gốc do cụ T mua của cố S cho vợ chồng ông Hoàng Văn Đ và bà Cao Thị M ở riêng. Năm 1997 ông Đ mất, sau khi cha mẹ và ông Đ mất, chị em thống nhất để thửa đất số 863 cho anh B sử dụng. Tuy nhiên, năm 2017, anh B làm thủ tục xin cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sang tên anh B thì bà M tranh chấp, đòi chia thửa đất số 863 với anh B nên anh B không làm được.

Nay anh B yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ T và cụ B để lại gồm thửa đất vườn số 863, thửa đất ở số 179 và thửa đất lâm nghiệp số 1034 và các T sản khác trên thửa đất số 863 thì chị H, chị H, chị Lương, chị Phương, chị Sáu cũng đồng ý chia cả 3 thửa đất trên và các T sản khác trên thửa đất số 863 cho 07 anh chị em con của cụ T và cụ B theo quy định của pháp luật.

- Trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị H2 trình bày:

Chị Nguyễn Thị H2 là vợ của anh Hoàng Văn B, năm 2013 vợ chồng chị H và anh B xây nhà trên thửa đất só 863, tờ bản đồ số 15 tại thôn 12, xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An sử dụng và không có tranh chấp với ai. Đây là thửa đất do cha mẹ anh B để lại, nay anh B yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ T và cụ B, trong đó có thửa đất vườn ở số 863 có ngôi nhà và các công trình, cây cối trên đất của vợ chồng chị H thì đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Với nội dung trên, Bản án sơ thẩm số 28/2019/DS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Áp dụng các Điều: 611, 612, 613, 623, 649, điểm a khoản 1 Điều 650, điểm a khoản 1 Điều 651, 652, 274 Bộ luật dân sự;

Khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự

Khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH về án phí lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Văn B về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Hoàng Văn T và cụ Đ Thị B để lại.

- Xác định di sản của cụ Hoàng Văn T và cụ Đ Thị B để lại gồm:

+ 4.391m2 đất vườn ở của thửa đất số 863, tờ bản đồ số 15, tại thôn 9 (nay là thôn 12) xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An trị giá 175.640.000đ;

+ 4.312m^2 đất lâm nghiệp của thửa đất số 1034, tại thôn 9 (nay là thôn 12) xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An trị giá 12.936.000đ;

+ 01 xái bếp đã hết giá trị sử dụng; 01 giếng khơi đã hết giá trị sử dụng; 01 cây mít trị giá 200.000đ; 03 cây bạch đàn trị giá mỗi cây là 80.000đ, 03 cây là 240.000đ.

Tổng giá trị di sản là 189.016.000đ (một trăm tám mươi chín triệu, không trăm mười sáu đồng).

- Trích công sức tôn tạo, bảo vệ làm tăng giá trị di sản: cho chị Nguyễn Thị H2 và anh Hoàng Văn B mỗi người được hưởng 11.445.200đ.

Tổng trị giá di sản của cụ Hoàng Văn T và cụ Đ Thị B còn lại chia cho các đồng thừa kế là 166.125.000đ.

- Chia di sản thừa kế của cụ Hoàng Văn T và cụ Đ Thị B để lại cho các đồng thừa kế, cụ thể như sau:

+ Chia cho anh Hoàng Văn B: Sử dụng và sở hữu các di sản có giá trị như sau:

- Sử dụng thửa đất vườn số 863, tờ bản đồ số 15 tại thôn 9 (nay là thôn 12) xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An có diện tích 4.391m^2, vị trí giáp ranh: phía đông giáp thửa đất số 832 và thửa đất 972, phía tây giáp đường giao thông, phía nam giáp thửa đất số 916 và thửa đất số 917, phía bắc giáp thửa đất số 807 trị giá 175.640.000đ (một trăm, bảy mươi lăm triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn đồng), đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 543708 ngày 15/9/1998 mang tên Đ Thị Đ. T sản trên thửa đất này gồm có 01 nhà cấp 4, 3 gian, 01 sân lát gạch đỏ, 01 mái tôn, 01 chuồng bò, 01 chuồng lợn và các loại cây cối của vợ chồng anh B, chị H và 01 xái bếp, 01 giếng khơi, 01 cây mít, 03 cây bạch đàn là di sản anh B được chia (01 xái bếp, 01 giếng khơi đã hết giá trị sử dụng; 01 cây mít trị giá 200.000đ; 03 cây bạch đàn 240.000đ). Tổng giá trị di sản anh Hoàng Văn B được chia là 176.080.000đ (một trăm bảy mươi sáu triệu, không trăm tám mươi nghìn đồng). Nhưng anh Hoàng Văn B có nghĩa vụ giao lại tiền chênh lệch về di sản cho những người sau:

- Giao cho chị Hoàng Thị H, chị Hoàng Thị H1, chị Hoàng Thị L, chị Hoàng Thị P và chị Hoàng Thị S mỗi người số tiền là 23.944.123,5 đồng. Tổng cộng số tiền giao cho 05 người là 119.720.618đ.

- Giao cho anh Hoàng Văn Th số tiền 4.195.518,98đ;

- Giao cho chị Hoàng Thị N số tiền 3.846.075,92đ;

- Giao cho bà Cao Thị M số tiền 1.483.264,29đ;

- Giao cho chị Nguyễn Thị H2 số tiền 11.445.200đ

Sau khi giao chênh lệch, trị giá di sản và công sức của anh Hoàng Văn B còn lại là: 35.389.323,5đ.

- Tạm giao cho anh Hoàng Văn Đ sử dụng: Thửa đất lâm nghiệp số 1034, tờ bản đồ số 1 tại thôn 9 (nay là thôn 12) xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An, có diện tích 4.312m^2, có vị trí phía đông giáp thửa đất số 1044, phía tây giáp thửa đất số 1065, phía bắc giáp thửa đất số 1013, trị giá 12.936.000đ. T sản trên thửa đất này có 0,4ha tràm hơn 2 năm tuổi của anh Hoàng Văn Đ trồng.

Nhưng anh Hoàng Văn Đ có nghĩa vụ giao lại tiền chênh lệch về di sản cho những người sau:

+ Giao cho chị Hoàng Thị A số tiền 4.195.518,98đ;

+ Giao cho chị Hoàng Thị N1 số tiền 4.195.518,98đ;

+ Giao cho chị Hoàng Thị N số tiền 349.443,06đ

Sau khi giao chênh lệch, trị giá di sản của anh Hoàng Văn Đ còn lại là: 4.195.518,98đ.

- Các chị Hoàng Thị H, Hoàng Thị H1, Hoàng Thị L, Hoàng Thị P, Hoàng Thị S: Mỗi người được sở hữu một phần di sản trị giá 23.944.123,5đ/người, do anh Hoàng Văn B có nghĩa vụ giao lại.

- Chị Hoàng Thị A, Hoàng Thị N1: Mỗi người được sở hữu trị giá di sản với số tiền 4.195.518,98đ/người do anh Hoàng Văn Đ giao lại.

- Anh Hoàng Văn Th được sở hữu trị giá di sản với số tiền 4.195.518,98đ do anh Hoàng Văn B giao lại;

- Chị Hoàng Thị N được sở hữu trị giá di sản với số tiền là 4.195.518,98đ do anh Hoàng Văn Đ và anh Hoàng Văn B giao lại;

- Bà Cao Thị M được sở hữu trị giá di sản với số tiền là 1.483.264,29đ do anh Hoàng Văn B giao lại.

- Chị Hoàng Thị H1 được sở hữu số tiền công sức tôn tạo, bảo vệ làm tăng giá trị di sản là 11.445.200đ do anh Hoàng Văn B giao lại.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về quyền yêu cầu thi hành án, lãi suất, án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 11 tháng 6 năm 2019 anh Hoàng Văn B kháng cáo, với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại nguồn gốc của thửa đất số 179, tờ bản đồ số 19, vị trí thửa đất tại thôn 12, xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An vì đây là di sản của ông Hoàng Văn T và bà Đ Thị B và đưa vào để phân chia cho những người có quyền thừa kế.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Hoàng Văn B giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Tại phiên tòa hôm nay, anh B có đơn yêu cầu tạm đình chỉ vụ án để đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sủ dụng đất đối với thửa đất số 179, đã cấp cho hộ bà

M. Bà M và các con bà M không không chấp nhận nội dung kháng cáo và yêu cầu tạm đình chỉ vụ án của anh B. Đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình thụ lý phúc thẩm và tại phiên tòa hôm nay đại diện nguyên đơn, bị đơn và Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

- Về nội dung: Không chấp nhận kháng cáo của anh B, giữ nguyên bản án sơ thẩm về nội dung. Sửa án sơ thẩm: Không buộc bà M chịu án phí sơ thẩm, vì bà M là người cao tuổi. Không chấp nhận về đề nghị tạm đình chỉ vụ án của anh B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Sự vắng mặt của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay chị Hoàng Thị H, chị Hoàng Thị H1, chị Hoàng Thị L, chị Hoàng Thị P, chị Hoàng Thị S và chị Nguyễn Thị H2 có đơn đề nghị xử vắng mặt; chị Hoàng Thị A, chị Hoàng Thị N, chị Hoàng Thị N1 và Hoàng Văn Th ủy quyền cho anh Hoàng Văn Đ. Mặt khác cả 2 phiên tòa, đã triệu tập hợp lệ tất cả các đương sự, nên Hội đồng xét xử tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt những người này theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS là có căn cứ.

Án sơ thẩm xác định về những người được hưởng di sản thừa kế, được phân chia di sản do ông Hoàng Văn T và bà Đ Thị B. Các di sản do ông T, bà Bình để lại, gồm:

- Thửa đất số 863 tờ bản đồ số 15 tại thôn 9 (nay là thôn 12) xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An, có diện tích 4.391m^2;

- Thửa đất lâm nghiệp số 1034 tờ bản đồ số 01 tại thôn 9 (nay là thôn 12), xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An, có diện tích 4.312m^2

- 01 xái bếp hết giá trị sử dụng

- 01 giếng khơi, hết giá trị sử dụng

- 01 cây mít

- 03 cây bạch đàn

Riêng ngôi nhà cấp 4, 3 gian đã hư hỏng, anh Hoàng Văn B dỡ, các đương sự không ai yêu cầu chia T sản này.

Như vậy những người được hưởng thừa kế số di sản thừa kế án sơ thẩm đã xác định và đã phân chia nêu trên đây, không có ai kháng cáo, kháng nghị.

Anh B chỉ kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm đưa thửa đất số 179, tờ bản đồ số 19 tại thôn 12 vào khối di sản của ông T, bà Bình để lại, để phân chia cho những người được quyền thừa kế.

[2] Xét kháng cáo của anh Hoàng Văn B thấy rằng:

Các đương sự khai chưa thống nhất về di sản là thửa đất vườn số 179 (nay là thôn 12), xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An, cụ thể:

Nguyên đơn anh Hoàng Văn B và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là các chị Hoàng Thị H, Hoàng Thị H1, Hoàng Thị L, Hoàng Thị P, Hoàng Thị S khai: Di sản của vụ T và cụ B để lại còn có thửa đất số 179, tờ bản đồ số 19, tại thôn 9 (nay là thôn 12) xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An. Thửa đất này có nguồn gốc là cụ T và cụ B mua của cụ Bùi Thị Sâm, ông Lưu Văn Th1 là con của cụ S là người bán đất cho cụ T. Sau khi mua đất thì cụ T và cụ B cho vợ chồng ông Hoàng Văn Đ và bà Cao Thị M ở riêng từ năm 1983. Nay bà M yêu cầu chia thửa đất số 863 thì anh B và các chị H, H2, L, P, S yêu cầu chia thửa đất số 179 vào để chia.

Bị đơn là bà Cao Thị M và anh Hoàng Văn Đ khai rằng: Thửa đất số 179, tờ bản đồ số 19, tại thôn 9 (nay là thôn 12) xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An có nguồn gốc là vợ chồng ông Đ bà M xin của UBND xã T vào năm 1983 và ở cho đến nay, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Cao Thị M, nên thửa đất này là T sản của vợ chồng ông Đ bà M chứ không phải là di sản của cụ T và cụ B để lại, nên không đồng ý chia.

Người làm chứng ông Lưu Văn Th1 khai: Khoảng năm 1984, 1985 ông Lưu Văn Th1 có bán cho cụ Hoàng Văn T (ông Đ) 01 mảnh vườn. Mảnh vườn này có nguồn gốc là của cụ Bùi Thị S là mẹ của ông Lưu Văn Th1. Năm 1980 cụ S mất thì ông Thỉ sử dụng mảnh vườn này khoảng một năm thì ông Thỉ bán cho cụ T. Cụ T mua mảnh vườn này cho vợ chồng ông Đ bà M ở riêng từ năm 1984 đến nay.

Kết quả xác minh tại UBND xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An xác định: Nguồn gốc thửa đất số 179, tờ bản đồ số 19, tại thôn 9 (nay là thôn 12) xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An là được ông Hoàng Văn Đ (tức là ông Hoàng Văn T) mua của cố S vào khoảng năm 1978 để cho con trai đầu của ông T là ông Hoàng Văn Đ và vợ là Cao Thị M ở. Thửa đất này đã dược cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Cao Thị M.

Xét thửa đất số 179, tờ bản đồ số 19, tại thôn 9 (nay là thôn 12) xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An có nguồn gốc là của cụ Bùi Thị Sâm, sau khi cụ S mất, ông Lưu Văn Th1 sử dụng đất, sau đó bán cho cụ Hoàng Văn Đ (tức cụ T), cụ T cho vợ chồng ông Hoàng Văn Đ và bà Cao Thị M sử dụng thửa đất từ năm 1983 đến nay là đúng. Thửa đất này đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ bà Cao Thị M

vào ngày 01/4/2011. Vợ chồng ông Đ, bà M sử dụng thửa đất từ năm 1984 đến nay không có tranh chấp với ai. Nay anh Hoàng Văn B và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là các chị Hoàng Thị H, Hoàng Thị H1, Hoàng Thị L, Hoàng Thị P, Hoàng Thị S khai thửa đất này là di sản của cụ T và cụ B để lại và yêu cầu đưa thửa đất này vào để chia thừa kế. Hội đồng xét xử thấy rằng:

Theo Án lệ số 03/2016/AL thì vợ chồng ông Đ, bà M sử dụng thửa đất số 179, tờ bản đồ số 19 từ năm 1984 đến nay các anh chị em trong gia đình anh B đều biết và không ai có ý kiến gì. Khi cụ Đ, cụ B còn sống cũng không ai có khiếu nại gì về việc vợ chồng ông Đ, bà M sử dụng diện tích thửa đất này. Điều đó thể hiện ý chí của cụ Đ, cụ B là đã cho vợ chồng ông Đ, bà M diện tích thửa đất nêu trên. Như vậy, có căn cứ xác định cụ Đ, cụ B đã cho ông Đ, bà M diện tích đất trên, là có cơ sở.

Cụ T và cụ B có quyền định đoạt T sản theo quy định tại điều 194 BLDS là có căn cứ. Mặc dù, không có T liệu tặng cho quyền sử dụng đất nhưng việc tặng cho đã xẩy ra trên thực tế, điều đó được thể hiện qua thời gian vợ chồng ông Đ, bà M sử dụng thửa đất từ năm 1984 đến nay không có tranh chấp với ai và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bộ bà M. Vì vậy, thửa đất này không còn là di sản của cụ T và cụ B nên không có căn cứ để chia thửa đất này theo yêu cầu của nguyên đơn và những người có quyền lợi liên quan.

Anh B kháng cáo và đưa ra ý kiến của những người có quyền lợi liên quan chị H, chị H1, chị L, chị P, chị S và xác nhận của ông Th1 (người bán đất cho cụ T và cụ B), cũng đã được cấp sơ thẩm xem xét và đánh giá, anh không cung cấp thêm được bằng chứng nào mới để xác định thửa đất số 179, tờ bản đồ số 19 của di sản của cụ T và cụ B để lại cho các con. Vì vậy, không có cơ sở để chấp nhận nội dung kháng cáo của anh B.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 23/10/2019, anh B còn có đơn yêu cầu tạm đình chỉ vụ án này để anh đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 179, cấp cho hộ bà Cao Thị M.

Xét thấy: Quá trình hòa giải công khai chứng cứ, Tòa án sơ thẩm đã công bố nhiều T liệu, trong đó có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa 179 cấp cho hộ bà M vào năm 2011, nhưng anh B không có ý kiến gì (BL 108, 109)

Mặt khác, trong nội dung khởi kiện anh B đã đề nghị đưa thửa đất số 179 là di sản thừa kế, nhưng cấp sơ thẩm đã điều tra xác minh, xem xét xác định thửa 179 là T sản của vợ chồng bà M, không phải là di sản thừa kế của ông T, bà B để lại. Mặt khác, bà M và anh Đ không nhất trí tạm đình chỉ giải quyết vụ án. Nên không có căn cứ chấp nhận đề nghị tạm đình chỉ vụ án của anh B, như đại diện Viện kiểm sát đề nghị là đúng pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án theo qui định. Tuy nhiên cấp sơ thẩm buộc bà M phải chịu án phí là chưa chính xác, vì bà M là người cao tuổi, nên thuộc diện được miễn án phí.

- Án phí phúc thẩm: Anh Hoàng Văn B kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận nội dung kháng cáo của anh Hoàng Văn B. Giữ nguyên bản án sơ thẩm về nội dung, sửa án sơ thẩm về án phí sơ thẩm, bổ sung cách tuyên.

[1] Căn cứ vào các Điều 611; 612; 613, 623; 649; điểm a, khoản 1 Điều 650; điểm a khoản 1 Điều 651; Điều 652; Điều 274 Bộ luật dân sự; Khoản 5 Điều 26; Điểm a khoản 1 điều 35; Điểm a khoản 1 điều 39; Khoản 2 điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; Án lệ số 03/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06 tháng 4 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 220/QĐ-CA ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Khoản 7 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH về án phí lệ phí Tòa án. Xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Văn B về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Hoàng Văn T và cụ Đ Thị B để lại.

**** Xác định di sản của cụ Hoàng Văn T và cụ Đ Thị B để lại gồm:***

- 4.391 m^2 đất vườn ở của thửa đất số 863, tờ bản đồ số 15, tại thôn 9 (nay là thôn 12) xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An trị giá 175.640.000 đồng (Một trăm bảy mươi lăm triệu, sáu trăm, bốn mươi nghìn đồng).

- 4.312 m^2 đất lâm nghiệp của thửa đất số 1034, tại thôn 9 (Nay là thôn 12) xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An trị giá 12.936.000 đồng (Mười hai triệu, chín trăm ba mươi sáu nghìn đồng).

- 01 xái bếp đã hết giá tị sử dụng

- 01 giếng khơi đã hết giá trị sử dụng

- 01 cây mít trị giá 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

- 03 cây bạch đàn trị giá mỗi cây là 80.000 đồng, 03 cây là 240.000 đồng (Hai trăm bốn mươi nghìn đồng).

Tổng trị giá di sản của cụ Hoàng Văn T và cụ Đ Thị B để lại là: 189.016.000 đồng (Một trăm tám mươi chín triệu, không trăm mười sáu nghìn đồng).

**** Trích công sức tôn tạo, bảo vệ làm tăng giá trị di sản***: Cho chị Nguyễn Thị H2 và anh Hoàng Văn B mỗi người được hưởng là 11.445.200 đồng/người (Mười một triệu, bốn trăm bốn mươi lăm nghìn, hai trăm đồng/người).

Tổng trị giá di sản của cụ Hoàng Văn T và cụ Đ Thị B còn lại để chia cho các đồng thừa kế là: 166.125.600 đồng (Một trăm sáu mươi sáu triệu, một trăm hai mươi lăm nghìn, sáu trăm đồng).

**** Chia di sản thừa kế của cụ Hoàng Văn T và cụ Đ Thị B để lại cho các đồng thừa kế cụ thể như sau:***

**** Chia cho anh Hoàng Văn B:*** Sử dụng và sở hữu các di sản có giá trị như sau:

- Sử dụng thửa đất vườn ở số 863, tờ bản đồ số 15 tại thôn 9 (nay là thôn 12) xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An có diện tích 4.391 m^2, vị trí giáp ranh: phía đông giáp thửa đất số 832 và thửa đất số 972, phía tây giáp đường giao thông, phía nam giáp thửa đất số 916 và thửa đất số 917, phía bắc giáp thửa đất số 807 trị giá 175.640.000 đồng (Một trăm bảy mươi lăm triệu, sáu trăm, bốn mươi nghìn đồng) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 543708 ngày 15/9/1998 mang tên Đ Thị Đ. T sản trên thửa đất này gồm có: 01 nhà cấp 4, 3 gian, 01 sân lát gạch đỏ, 01 mái tôn, 01 chuồng bò, 01 chuồng lợn và các loại cây cối của vợ chồng anh B chị H và 01 xái bếp, 01 giếng khơi, 01 cây mít, 3 cây bạch đàn là di sản anh B được chia).

- 01 xái bếp đã hết giá tị sử dụng

- 01 giếng khơi đã hết giá trị sử dụng

- 01 cây mít trị giá 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

- 03 cây bạch đàn trị giá mỗi cây là 80.000 đông, 03 cây là 240.000 đồng (Hai trăm bốn mươi nghìn đồng).

Tổng trị giá di sản anh Hoàng Văn B được chia là: 176.080.000 đồng (Một trăm bảy mươi sáu triệu, không trăm tám mươi nghìn đồng).

Nhưng anh Hoàng Văn B có nghĩa vụ giao lại tiền chênh lệch về di sản cho những người sau:

- Giao cho chị Hoàng Thị H, chị Hoàng Thị H1, chị Hoàng Thị L, chị Hoàng Thị P và chị Hoàng Thị S mỗi người số tiền là: 23.944.123,5 đồng/người (Hai mươi ba triệu, chín trăm bốn mươi bốn nghìn, một trăm hai mươi ba phẩy năm đồng/người). Tổng cộng số tiền giao cho 5 người là 119.720.618 đồng (Một trăm mười chín triệu, bảy trăm hai mươi nghìn, sáu trăm mười tám đồng.

- Giao cho anh Hoàng Văn Th số tiền 4.195.518,98 đồng (Bốn triệu, một trăm chín mươi lăm nghìn, năm trăm mười tám phẩy chín mươi tám đồng);

- Giao cho chị Hoàng Thị N số tiền 3.846.075,92 (Ba triệu, tám trăm bốn mươi sáu nghìn, không trăm bảy mươi lăm nghìn phẩy chín mươi hai đồng).

- Giao cho bà Cao Thị M số tiền là 1.483.264,29 đồng (Một triệu, bốn trăm tám mươi ba nghìn, hai trăm sáu mươi tư phẩy hai mươi chín đồng).

- Giao cho chị Nguyễn Thị H2 số tiền là 11.445.200 đồng (Mười một triệu, bốn trăm bốn mươi lăm nghìn, hai trăm đồng).

Sau khi giao chênh lệch, trị giá di sản và công sức của anh Hoàng Văn B còn lại là: 35.389.323,5 (Ba mươi lăm triệu, ba trăm tám mươi chín nghìn, ba trăm hai mươi ba phẩy năm đồng).

**** Tạm giao cho anh Hoàng Văn Đ sử dụng*:** Thửa đất lâm nghiệp số 1034, tờ bản đồ số 1 tại thôn 9 (nay là thôn 12) xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An có diện tích 4.312 m2, vị trí giáp ranh: phía đông giáp thửa đất số 1044, phía tây giáp thửa đất số 1004, phía nam giáp thửa đất số 1016, thửa đất số 1059 và thửa đất số 1065, phía bắc giáp thửa đất số 1013 trị giá 12.936.000 đồng (Mười hai triệu, chín trăm ba mươi sáu nghìn đồng). T sản trên thửa đất này có 0,4 ha tràm hơn 2 năm tuổi của anh Hoàng Văn Đ trồng.

Nhưng anh Hoàng Văn Đ có nghĩa vụ giao lại tiền chênh lệch về di sản cho những người sau:

- Giao cho chị Hoàng Thị A số tiền 4.195.518,98 đồng (Bốn triệu, một trăm chín mươi lăm nghìn, năm trăm mười tám phẩy chín mươi tám đồng);

- Giao cho chị Hoàng Thị N1 số tiền 4.195.518,98 đồng (Bốn triệu, một trăm chín mươi lăm nghìn, năm trăm mười tám phẩy chín mươi tám đồng);

- Giao cho chị Hoàng Thị N số tiền 349.443,06 đồng (Ba trăm bốn mươi chín nghìn, bốn trăm bốn mươi ba phẩy không sáu đồng)

Sau khi giao chênh lệch, trị giá di sản của anh Hoàng Văn Đ còn lại là: 4.195.518,98 đồng (Bốn triệu, một trăm chín mươi lăm nghìn, năm trăm mười tám phẩy chín mươi tám đồng).

**** Chị Hoàng Thị H, chị Hoàng Thị H1, chị Hoàng Thị L, chị Hoàng Thị P và chị Hoàng Thị S***: Mỗi người được sở hữu một phần di sản trị giá 23.944.123,5 đồng/người (Hai mươi ba triệu, chín trăm bốn mươi bốn nghìn, một trăm hai mươi ba phẩy năm đồng/người) do anh Hoàng Văn B có nghĩa vụ giao lại.

**** Chị Hoàng Thị A và chị Hoàng Thị N1***: Mỗi người được sở hữu trị giá di sản với số tiền là 4.195.518,98 đồng/người (Bốn triệu, một trăm chín mươi lăm nghìn, năm trăm mười tám phẩy chín mươi tám đồng) do anh Hoàng Văn Đ giao lại.

**** Anh Hoàng Văn Th*** được sở hữu trị giá di sản với số tiền là 4.195.518,98 đồng (Bốn triệu, một trăm chín mươi lăm nghìn, năm trăm mười tám phẩy chín mươi tám đồng) do anh Hoàng Văn B giao lại.

**** Chị Hoàng Thị N*** được sở hữu trị giá di sản với số tiền là 4.195.518,98 đồng (Bốn triệu, một trăm chín mươi lăm nghìn, năm trăm mười tám phẩy chín mươi tám đồng) do anh Hoàng Văn Đ và anh Hoàng Văn B giao lại.

**** Bà Cao Thị M*** được sở hữu trị giá di sản với số tiền là 1.483.264,29 đồng (Một triệu, bốn trăm tám mươi ba nghìn, hai trăm sáu mươi tư phẩy hai mươi chín đồng) do anh Hoàng Văn B có nghĩa vụ giao lại.

**** Chị Nguyễn Thị H2*** được sở hữu số tiền công sức tôn tạo, bảo vệ làm tăng giá trị di sản là 11.445.200 đồng (Mười một triệu, bốn trăm bốn mươi lăm nghìn, hai trăm đồng) do anh Hoàng Văn B có nghĩa vụ giao lại.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bên phải thi hành án chưa thực hiện xong nghĩa vụ phải thi hành thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành.

Các đương sự có quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo qui định của pháp luật.

* Về án phí sơ thẩm:

- Anh Hoàng Văn B phải nộp 1.769.000 đồng (Một triệu, bảy trăm sáu mươi chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với phần giá trị di sản được hưởng (Đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An theo biên lai số 0005433 ngày 01/12/2017. Nay phải nộp tiếp số tiền còn lại là 1.469.000 đồng (Một triệu, bốn trăm sáu mươi chín nghìn đồng).

- Chị Hoàng Thị H, chị Hoàng Thị H1, chị Hoàng Thị L, chị Hoàng Thị P và chị Hoàng Thị S mỗi người phải nộp 1.197.000 đồng/người (Một triệu, một trăm chín mươi bảy nghìn đồng/người) án phí dân sự sơ thẩm đối với phần giá trị di sản được hưởng.

- Anh Hoàng Văn Đ, chị Hoàng Thị A, chị Hoàng Thị N, chị Hoàng Thị N1 và Hoàng Văn Th mỗi người phải nộp 209.000 đồng/người (Hai trăm linh chín nghìn đồng/người) án phí dân sự sơ thẩm đối với phần giá trị di sản được hưởng.

- Chị Nguyễn Thị H2 phải nộp 572.000 đồng (Năm trăm bảy mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với phần giá trị công sức được hưởng.

- Miễn án phí sơ thẩm cho bà Cao Thị M.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

* Án phí phúc thẩm: Anh Hoàng Văn B phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), anh B đã nộp theo biên lại số 0001866 ngày 19/6/2019 tại Chi cục thi hành dân sự huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND huyện Anh Sơn;
- THADS huyện Anh Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VPTA.

Nguyễn Đăng Phồn